

Bản án số: 23/2025/HN&GD-ST

Ngày: 05/9/2025

V/v : *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Mỹ và ông Phạm Việt Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Duy Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 05/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2025/TLST-HN&GD ngày 26/5/2025 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX-ST ngày 31/7/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 10/2025/QĐST-HN&GD ngày 19/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H – sinh năm 2000

ĐKKHKT: Thôn N, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, phường N, thành phố Hải Phòng).

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư S, phường N, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030300015399 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/5/2022.

- Bị đơn: Anh Trương Văn M – sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, phường N, thành phố Hải Phòng).

Số CCCD: 030096000375 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

(Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trương Văn M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 24/11/2021 tại UBND xã M, thị xã K (nay là UBND phường N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với bố mẹ chồng anh M là ông Trương Văn G và bà Phạm Thị T tại Xóm I, thôn N, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là Xóm I, thôn N, phường N, thành phố Hải Phòng). Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh rất nhiều

mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M thường xuyên đi chơi đến đêm mới về, chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M không nghe. Bên cạnh đó, anh M không chăm chỉ làm ăn, thường xuyên nợ nần, công việc nhà không đáng, phụ giúp vợ nên anh chị đã cãi nhau nhiều lần. Hơn nữa, anh M còn nhiều lần đe dọa chị, đòi đánh chị, bóp cổ, túm tóc, xé áo chị, đập phá đồ đạc trong nhà khiến cho chị rất sợ hãi nhưng vẫn cố gắng nín nhịn. Bản thân chị thời điểm đó cũng nghĩ đến việc ly hôn anh M nhiều lần nhưng nghĩ vì muốn cho con chị có gia đình trọn vẹn nên không ly hôn với anh M. Đến khoảng tháng 6 năm 2024 thì anh M vào miền N làm ăn do nợ nần quá nhiều, muốn vào đó làm ăn để kiếm tiền. Đến khoảng tháng 10 năm 2024, anh M gọi điện báo là đang nợ nần rất nhiều, vì vậy chị đã phải đi vay để gửi tiền vào cho anh M trả nợ. Cho đến khoảng tháng 01 năm 2025, anh M về quê ăn Tết. Khi anh M về, hai vợ chồng lại bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn đẩy lên đỉnh điểm khi anh M nghi ngờ chị đi chơi linh tinh, trong khi đó chị chỉ đi về bên nhà mẹ đẻ để lấy đồ và đã xin phép bố mẹ chồng. Khi chị đang từ nhà bố mẹ đẻ về thì gặp anh M ở đường và anh M đã có những lời lẽ xúc phạm chị. Về đến nhà, chị đã nói với anh M về việc những hành vi của anh M như vậy khiến cho chị không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa. Anh M nghe vậy lại đe dọa chị là đem con đi vào miền N và cầm dao ra dọa chị, lúc đó bố mẹ chồng chị khuyên ngăn nên anh M mới thôi. Khi đó, bản thân chị quá sợ hãi nên về nhà mẹ đẻ chị 0 ngày nhưng do nhớ con nên chị lại quay về nhà chồng. Khi chị về nhà chồng thì nhà chồng cũng nói xúc phạm, đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bế con và dọn đồ về ở nhà mẹ đẻ để ở. Đồng thời mẹ chồng chị cũng gọi điện nói với mẹ đẻ chị là trao trả lại chị cho bố mẹ đẻ chị. Từ thời điểm chị dọn đồ về nhà mẹ đẻ ở, anh M và gia đình không gọi điện, hỏi han, thăm nom hai mẹ con. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh M nữa, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trương Diệu L, sinh ngày 19/9/2022. Hiện tại đang ở với chị. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh M và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh tại UBND phường N xác định: Anh Trương Văn M hiện tại vẫn cư trú tại địa phương, thỉnh thoảng anh M có đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên về địa phương sinh sống cùng bố mẹ đẻ, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị M1 là mẹ đẻ chị H xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh M, chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M thường xuyên chơi bời, đi đêm về khuya, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, đi đâu cũng không báo. Chị H có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M vẫn chứng nào tật ấy, vẫn thường xuyên đi chơi, chửi bới xúc phạm chị H, có lần còn bóp cổ chị H khi chị H nhắc nhở việc đi chơi về muộn. Mâu

thuần của hai vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên khuyên bảo hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Bố mẹ anh M còn gọi điện cho bà bảo từ nay hết trách nhiệm với chị H. Chị H đã về nhà bà ở từ đầu năm 2025, trước đó chị H cũng đã bỏ về nhà bà nhưng vì nghĩ đến con nên chị H đã quay lại chung sống với anh M nhưng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Nay chị H có đơn ly hôn anh M, bà đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị H để chị H ổn định cuộc sống nuôi con. Chị H có nguyện vọng được nuôi con thì bà tôn trọng nguyện vọng của chị H, chị H có công việc và thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo việc nuôi con. Bà cũng sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con chị H và trông con giúp chị H khi chị H đi làm.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Trương Văn G và bà Phạm Thị T là bố mẹ đẻ của anh M thể hiện: Anh M, chị H sau khi kết hôn về chung sống cùng ông bà. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, theo ông bà biết là do kinh tế, vợ chồng thường xuyên xa nhau nên không còn tình cảm, hiện tại chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh M vẫn sinh sống cùng ông bà, anh M đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Các văn bản tố tụng Toà án gửi cho anh M thì ông bà đều giao cho anh M biết.

Tại phiên tòa: Chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh M, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trương Văn M. Về con chung: Giao con chung Trương Diệu L, sinh ngày 19/9/2022 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị H yêu cầu xin ly hôn anh Trương Văn M và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh M hiện đang cư trú tại thôn N, phường N, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Trương Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trương Văn M kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh M do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không còn sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm nhau, anh M không quan tâm đến gia đình, chơi bời nợ nần bên ngoài nên chị H đã phải trả nợ cho nhiều lần. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhiều lần, lần cuối cùng vào đầu năm 2025 vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Anh M cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị H, vắng mặt tại phiên hoà giải. Chị H vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh M. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H xin được ly hôn anh Trương Văn M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh M có 01 con chung Trương Diệu L, sinh ngày 19/9/2022. Hiện con chung đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H có công việc và thu nhập ổn định, gia đình chị H luôn tạo điều kiện tốt nhất để chị nuôi con. Anh M vắng mặt và không bày tỏ quan điểm về việc nuôi con, do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống của con chung nên cần giao con chung Trương Diệu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh M không trình bày quan điểm. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H có đơn xin ly hôn nên chị H phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trương Văn M.
2. Về con chung: Giao con chung Trương Diệu L, sinh ngày 19/9/2022 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Hải Phòng) theo biên lai ký hiệu: BLTU/24 số 0002824 ngày 21/5/2025. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H, anh M. Chị H, anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Đại Nãi, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

